

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2018.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Lương Thị Kim Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Yên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 27/4/2018 và 28/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lê Anh T1**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày: Chị và anh T1 tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2017 thì chị và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm nhau nên chị và anh T1 đã sống ly thân. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn P sinh ngày 25/7/2015, hiện nay đang sống với anh T1. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, chị T cho rằng vợ chồng chị có số tài sản chung là 08 chỉ vàng cưới 24kara do mẹ chồng là bà Hồ Ngọc L đang quản lý và số tiền 40.000.000đ do anh T1 đang quản lý; trong 40.000.000đ anh T1 có cho anh Nguyễn Văn P vay 25.000.000đ. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nhận 04 chỉ vàng 24kara và 20.000.000đ. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải và tại phiên tòa chị T xin rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung, thống nhất tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không yêu cầu Tòa án đưa bà Hồ Ngọc L và anh Nguyễn Văn P vào tham gia tố tụng trong vụ án này nữa.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Anh T1 trình bày:
Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn P sinh ngày 25/7/2015, hiện cháu P đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T1 thống nhất tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không yêu cầu Tòa án đưa bà Hồ Ngọc L và anh Nguyễn Văn P vào tham gia tố tụng trong vụ án này nữa.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị T, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh T1 (photo);

- Trích lục khai sinh ngày 25/7/2015 tên Lê Văn P (bản sao);

- Văn bản ý kiến ngày 24/01/2018 của anh Lê Anh T1 (bản chính);

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Về việc nuôi con chung cháu Lê Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê

Anh T1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con”*.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã A1, huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2018 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Dương Tấn Lợi và bà Võ Thị Diệp; Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Phạm Phước Tâm, bà Hồ Thị Mai Hương và ông Trần Văn Bé Hai. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Lợi, bà Diệp, bà Hương và ông Bé Hai bận đi công tác nên thay thế ông Lợi, bà Diệp, bà Hương và ông Bé Hai là bà Lương Thị Kim Vân. Các đương sự thống nhất việc thay đổi này và không yêu cầu thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Hồng T và anh Lê Anh T1 tổ chức đám cưới và sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, nhưng chị T và anh T1 không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình sống chung chị T và anh T1 không xây dựng được hạnh phúc gia đình nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1. Tuy nhiên, do chị T và anh T1 sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc yêu cầu xin ly hôn của chị T. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, không công nhận chị Nguyễn Hồng T và anh Lê Anh T1 là vợ chồng.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung tên Lê Văn P sinh ngày 25/7/2015, hiện cháu P đang sinh sống với anh T1. Nay ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Anh T1 cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung (cháu P), không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Xét thấy: Việc chị T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Văn P sinh ngày 25/7/2015 là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa chị T thừa nhận từ khi cháu P được sinh ra đến nay cháu P sinh sống cùng với anh T1 và gia đình của anh T1 (gia đình chồng); cháu P sinh sống với anh T1 và gia đình anh T1 vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, không bị ốm đau hay bệnh tật gì. Mặt khác, chị T xác định hiện nay chị T đang đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh (phụ bán thuốc), nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, chưa có nhà để ở (chị T đang ở nhờ nhà người chị bà con) và chị T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc giao cháu P cho chị T nuôi

dưỡng sẽ đảm bảo cho cháu P phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, cần tiếp tục để cho anh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Văn P là phù hợp với pháp luật. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị T cho rằng vợ chồng có số tài sản chung là 08 chỉ vàng cưới 24kra do mẹ chồng là bà Hồ Ngọc L đang quản lý và số tiền 40.000.000đ do anh T1 đang quản lý, trong 40.000.000đ anh T1 có cho anh Nguyễn Văn P vay 25.000.000đ. Nay ly hôn, chị T yêu cầu được nhận 04 chỉ vàng 24kara và 20.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị T xin rút phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng, thống nhất tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không yêu cầu Tòa án đưa bà Hồ Ngọc L và anh Nguyễn Văn P vào tham gia tố tụng trong vụ án này nữa. Đồng thời, anh T1 cũng đồng ý việc rút phần yêu cầu chia tài sản chung của chị T, thống nhất tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không yêu cầu Tòa án đưa bà L và anh P vào tham gia tố tụng trong vụ án này nữa. Xét thấy, việc chị T xin rút phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận, đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng (08 chỉ vàng 24kara và số tiền 40.000.000đ).

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, chị T xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì chị không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Lê Văn P.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Hồng T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 04032 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Hồng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 840.000đ về việc yêu cầu chia tài sản chung theo biên lai số 04033 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Hồng T và anh Lê Anh T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Lê Anh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Lê Văn P sinh ngày 25/7/2015, chị Nguyễn Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không có yêu cầu. Chị Nguyễn Hồng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 04032 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Hồng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 840.000đ về việc yêu cầu chia tài sản chung theo biên lai số 04033 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh

